

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)  
Số: 227.1.0X...GTJVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2025

TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)  
(Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 22/07/2025 – Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt)

Kính gửi: - Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội  
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam

I. CƠ CẤU SỞ HỮU

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

| STT | Đối tượng                                 | Số lượng cổ phiếu | Tỉ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (*) |         |
|-----|-------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|--------------------|---------|
|     |                                           |                   |                  |                  | Tổ chức            | Cá nhân |
| 1   | Cổ đông Nhà nước                          | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
| 2   | Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI             | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
|     | - Trong nước                              | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
|     | - Nước ngoài                              | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
| 3   | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên) | 77.954.700        | 74,30%           | 2                | 2                  | 0       |
|     | - Trong nước                              | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
|     | - Nước ngoài                              | 77.954.700        | 74,30%           | 2                | 2                  | 0       |
| 4   | Công đoàn Công ty                         | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
|     | - Trong nước                              | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
|     | - Nước ngoài                              | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
| 5   | Cổ phiếu quỹ                              | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
| 6   | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)   | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0       |
| 7   | Cổ đông khác                              | 26.968.636        | 25,70%           | 1.384            | 5                  | 1.379   |

|                  |                  |                    |             |              |          |              |
|------------------|------------------|--------------------|-------------|--------------|----------|--------------|
|                  | - Trong nước     | 13.165.696         | 12,54%      | 1.326        | 1        | 1.325        |
|                  | - Nước ngoài     | 13.802.940         | 13,16%      | 58           | 4        | 54           |
|                  | <b>Tổng cộng</b> | <b>104.923.336</b> | <b>100%</b> | <b>1.386</b> | <b>7</b> | <b>1.379</b> |
| <b>Trong đó:</b> | - Trong nước     | 13.165.696         | 12,54%      | 1.326        | 1        | 1.325        |
|                  | - Nước ngoài     | 91.757.640         | 87,46%      | 60           | 6        | 54           |

## 2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

| STT | Đối tượng                                                      | Số lượng cổ phiếu | Tỉ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (*) |           |
|-----|----------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|--------------------|-----------|
|     |                                                                |                   |                  |                  | Tổ chức            | Cá nhân   |
| 1   | Cổ đông lớn sở hữu từ 15% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0         |
|     | - Trong nước                                                   | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0         |
|     | - Nước ngoài                                                   | 0                 | 0%               | 0                | 0                  | 0         |
| 2   | NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên                | 77.954.700        | 74,30%           | 2                | 2                  | 0         |
|     | - Trong nước                                                   | 0                 | 0                | 0                | 0                  | 0         |
|     | - Nước ngoài                                                   | 77.954.700        | 74,30%           | 2                | 2                  | 0         |
| 3   | NĐTCKCN là cổ đông sở hữu <5% VDL                              | 18.728.387        | 17,85%           | 25               | 1                  | 24        |
|     | - Trong nước                                                   | 6.043.487         | 5,76%            | 13               | 0                  | 13        |
|     | - Nước ngoài                                                   | 12.684.900        | 12,09%           | 12               | 1                  | 11        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                               | <b>96.683.087</b> | <b>92,15%</b>    | <b>27</b>        | <b>3</b>           | <b>24</b> |

### Ghi chú:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Khoản 1 Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14
- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn
- (\*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình

## 3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu



| Đối tượng                                   | Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng | Số liệu cổ phiếu tự do chuyển nhượng | Tổng cộng   | Tỉ lệ sở hữu (%) |
|---------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|-------------|------------------|
| I. Người nội bộ                             | 0                                       | 300                                  | 300         | 0,0003%          |
| II. Cổ phiếu quỹ                            | 0                                       | 0                                    | 0           | 0                |
| III. Công đoàn Công ty                      | 0                                       | 0                                    | 0           | 0                |
| IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | 0                                       | 0                                    | 0           | 0                |
| V. Cổ đông khác                             | 0                                       | 104.923.036                          | 104.923.036 | 99,9997%         |
| 1. Trong nước                               | 0                                       | 13.165.396                           | 13.165.396  | 12,5476%         |
| 1.1. Cá nhân                                | 0                                       | 13.165.296                           | 13.165.296  | 12,5475%         |
| 1.2. Tổ chức                                | 0                                       | 100                                  | 100         | 0,0001%          |
| - Trong đó Nhà nước                         | 0                                       | 0                                    | 0           | 0%               |
| 2. Nước ngoài                               | 0                                       | 91.757.640                           | 91.757.640  | 87,4521%         |
| 2.1. Cá nhân                                | 0                                       | 10.227.440                           | 10.227.440  | 9,7475%          |
| 2.2. Tổ chức                                | 0                                       | 81.530.200                           | 81.530.200  | 77,7046%         |
| Tổng cộng                                   | 0                                       | 104.923.336                          | 104.923.336 | 100%             |

## II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

| Stt                                          | Tên tổ chức/cá nhân                         | Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD | Ngày cấp   | Địa chỉ                                                                     | Số lượng cổ phiếu | Tỉ lệ sở hữu (%) | Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng |
|----------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|-----------------------------------|
| A. Cổ đông nhà nước: Không có                |                                             |                       |            |                                                                             |                   |                  |                                   |
| Tổng cộng A                                  |                                             |                       |            |                                                                             | -                 | -                | -                                 |
| B. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên) |                                             |                       |            |                                                                             |                   |                  |                                   |
| 1                                            | GUOTAI JUNAN SECURITIES (HONG KONG) LIMITED | 433562                | 19/06/2000 | 27/F. Low Block. Grand Millennium Plaza. 181 Queens Road Central. Hongkong. | 70.700.000        | 67,38%           | 0                                 |

9 - C  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CÔNG KH  
 TẠI JUM  
 VIỆT NAM  
 HAY - T

|                                                                                                 |                                                  |            |            |                                                                                      |                   |               |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|----------|
| 2                                                                                               | Công Ty TNHH DAZHONG<br>(Việt Nam) International | 0314800991 | 16/08/2019 | 23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10,<br>Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí<br>Minh, Việt Nam | 7.254.700         | 6,92%         | 0        |
| <b>Tổng cộng B</b>                                                                              |                                                  |            |            |                                                                                      | <b>77.954.700</b> | <b>74,30%</b> | <b>0</b> |
| <b>C. Cổ đông chiến lược:</b> Không có                                                          |                                                  |            |            |                                                                                      |                   |               |          |
| Tổng cộng C                                                                                     |                                                  |            |            |                                                                                      | -                 | -             | -        |
| <b>C. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDJ</b> (Đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI): Không có |                                                  |            |            |                                                                                      |                   |               |          |
| Tổng cộng D                                                                                     |                                                  |            |            |                                                                                      | -                 | -             | -        |
| <b>Tổng cộng (A+B+C+D)</b>                                                                      |                                                  |            |            |                                                                                      | <b>77.954.700</b> | <b>74,30%</b> | <b>0</b> |

### III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

| STT | Họ và tên           | Chức vụ                                                               | Tổng số cổ phiếu<br>sở hữu | Cổ phiếu bị hạn chế<br>chuyển nhượng | Tổng cộng | Tỉ lệ (%) |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-----------|-----------|
| 1   | Ông Wang Jun Hong   | Chủ tịch HĐQT,<br>Thành viên Ủy ban<br>kiểm toán                      | 0                          | 0                                    | 0         | 0%        |
| 2   | Ông Yim Fung        | Thành viên HĐQT<br>không điều hành,<br>thành viên Ủy ban<br>kiểm toán | 0                          | 0                                    | 0         | 0%        |
| 3   | Ông Huang Bo        | Thành viên HĐQT,<br>Tổng Giám đốc                                     | 0                          | 0                                    | 0         | 0%        |
| 4   | Ông Nguyễn Thanh Kỳ | Thành viên HĐQT<br>độc lập, chủ tịch<br>Ủy ban kiểm toán              | 0                          | 0                                    | 0         | 0%        |
| 5   | Ông Hoàng Anh       | Giám đốc điều<br>hành                                                 | 0                          | 0                                    | 0         | 0%        |



|    |                     |                                                      |     |   |     |         |
|----|---------------------|------------------------------------------------------|-----|---|-----|---------|
| 6  | Ông Bùi Quang Kỳ    | Phó Tổng Giám đốc. Người được ủy quyền CBTT          | 0   | 0 | 0   | 0%      |
| 7  | Ông Lu Xin          | Giám đốc tài chính                                   | 0   | 0 | 0   | 0%      |
| 8  | Bà Nguyễn Ngọc Mai  | Kế toán trưởng                                       | 300 | 0 | 300 | 0,0003% |
| 9  | Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh                       | 0   | 0 | 0   | 0%      |
| 10 | Bà Hồ Cẩm Vân       | Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty | 0   | 0 | 0   | 0%      |
| 11 | Ông Đào Hữu Nghĩa   | Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ                      | 0   | 0 | 0   | 0%      |

IV. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG KHÁC CÓ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)



**ĐỒNG GIÁM ĐỐC**  
*Huang Bo*

